ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THỚI HƯNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1838 /QĐ-UBND	*Thới Hưng, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Đường GTNT tuyến Kênh A5 (Bên trái)
Địa điểm: ấp 2, xã Thới Hưng, thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THỚI HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm Thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 217/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9947/BXD-VPB ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 5372/SXD-QLXD&CLCT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc hướng dẫn một số nội dung về kiểm tra công tác nghiệm thu và quản lý chất lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-SXD ngày 06 tháng 07 năm 2026 của Sở xây dựng thành phố Cần Thơ về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-SXD ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Sở xây dựng thành phố Cần Thơ về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Công văn số 453/PKT ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Đường GTNT tuyến Kênh A5 (Bên trái);

Theo đề nghị của Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Thới Hưng tại Tờ trình số 37/TTr-TTDVTH ngày 02 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường GTNT tuyến Kênh A5 (Bên trái) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường GTNT tuyến Kênh A5 (Bên trái).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính của dự án: Công trình giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 05 năm.

3. Mã định danh (nếu có): Chưa xác định.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng: Ấp 2, xã Thới Hưng, thành phố Cần Thơ.

- Điểm đầu tuyến: tiếp giáp đường dẫn cầu Số 3.

- Điểm cuối tuyến: tiếp giáp đường đất Kênh Năm Kỵ.

- Tóm tắt hướng tuyến:

+ Tuyến công trình bám theo tim đường hiện trạng dịch chuyển khoảng 3 m về phía nhà dân.

+ Hướng tuyến công trình bắt đầu từ đường dẫn cầu Số 3 (K0+000), tuyến kéo dài 3.115 m theo hướng Kênh Năm Kỵ, tuyến kết thúc tại điểm cuối giáp đường đất Kênh Năm Kỵ (K3+115).

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 14.640,50 m^2.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân xã Thới Hưng.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Thới Hưng.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:

a) Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công:

- Nhà thầu: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tây MeKong.

- Địa chỉ: số 626, ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, tỉnh An Giang.

- Mã số thuế: 1602003722.

b) Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tây MeKong.

- Địa chỉ: số 626, ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, tỉnh An Giang.

- Mã số thuế: 1602003722.

c) Nhà thầu thẩm tra thiết kế:

- Nhà thầu: Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Lam.

- Địa chỉ: số 340/4C đường Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, thành phố Cần Thơ.

- Mã số thuế: 1801631295.

8. Mục tiêu dự án: góp phần phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải ở nông thôn đảm bảo chất lượng, bền vững, gắn kết mạng lưới giao thông của các ấp với mạng lưới giao thông của xã, tạo sự liên hoàn thông suốt; đảm bảo lưu thông hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được thuận lợi, nhanh chóng. Tạo điều kiện xây dựng và phát triển về kinh tế xã hội cho nhân dân sống dọc theo tuyến đường. Nâng cao năng lực và chất lượng vận tải đường bộ nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hiện tại và tương lai của xã, hoàn thành xây dựng xã nông thôn mới, phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Cấp kỹ thuật: đường giao thông nông thôn cấp B (theo quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022).

- Loại mặt đường: bê tông cốt thép.

- Tổng chiều dài toàn tuyến đường thiết kế là 3.115,0 m.

- Cao độ tim đường thiết kế: +2,40 m (Mốc cao độ sử dụng cho dự án: Mốc GPS H III - 668490 có giá trị h= +1,236 m, do cục đo đạc và bản đồ cung cấp).

- Tải trọng thiết kế đường: 2,5 tấn.

- Vận tốc thiết kế: 20 km/h.

- Bề rộng mặt đường thiết kế: 4,0 m.

- Bề rộng tường gạch xây bó (phía nhà dân): 0,2 m.

- Bề rộng lề đường (phía kênh): 0,50m.

- Tổng bề rộng nền đường: (0,2 m + 4,0 m + 0,5 m) = 4,7 m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%.

- Độ dốc ngang lề đường: 5,0%.

- Máy taluy đắp: m = 1,5.

* Giải pháp thiết kế:

a) Phần đường chính:

- Kết cấu áo đường đoạn đào (tính từ trên xuống):

+ Mặt đường bê tông cốt thép (Ø6a200) đá 1x2, M250 dày 12 cm.

+ Trải tấm cao su đen ngăn cách mặt đường và nền đường.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 2 Dmax=37,5 mm dày 12 cm, đầm chặt K>=0,98; Ett = 51,304 MPa.

+ Lớp cát đắp dày 30 cm, đầm chặt K>=0,95.

+ Nền đường hiện trạng.

- Kết cấu áo đường đoạn đắp (tính từ trên xuống):

+ Mặt đường bê tông cốt thép (Ø6a200) đá 1x2, M250 dày 12 cm.

+ Trải tấm cao su đen ngăn cách mặt đường và nền đường.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 2 Dmax=37,5 mm dày 12 cm, đầm chặt K>=0,98; Ett = 51,304 MPa.

+ Lớp cát đắp dày 30 cm, đầm chặt K>=0,95.

+ Tôn cao nền đường bằng cát, đầm chặt K>=0,90.

+ Nền đường hiện trạng.

- Lề đường (đất đắp lề được lấy từ đất đào nền đường):

+ Đắp đất lề đạt độ chặt K>=0,90.

+ Nền đường hiện trạng.

b) Phần xây gạch chặn lề đường phía nhà dân:

- Phương án lề đường phía nhà dân là xây tường chắn (nhằm giảm khối lượng đất đắp, diện tích sử dụng đất của công trình và hạn chế đất đắp lề tràn vào nhà dân), giải pháp thiết kế như sau:

- Tổng chiều dài xây gạch chặn: 2.799,20 m.

- Đan giằng tường chắn bê tông cốt thép (Ø6a200) đá 1x2, M250 dày 12 cm (đổ liên tục và liên kết với mặt đường).

- Tường xây gạch thẻ không nung (4,5x9x19) cm, M75 dày 20 cm cao trung bình 50 cm, trát vữa M75 dày 1 cm.

- Bê tông lót đá 4x6 M150, dày 10 cm.

c) Phần gia cố cừ tràm:

- Tổng chiều dài gia cố, L = 240 m.

- Hệ số mái m = 1,5.

- Đóng cọc tràm Ø ngọn>=4,2cm, dài L=4,7 m, đóng hai hàng cách nhau 0,50m, mỗi hàng đóng 7 cây/m dài.

- Hai hàng cừ tràm nẹp, Ø ngọn>=4,2 cm.

- Dây thép buộc Ø6, L=1,5 m khoảng cách 0,25 m/sợi.

- Dây thép neo Ø6, L=2,0m khoảng cách 1,00 m/sợi.

- Một lớp lưới B40 mạ kẽm 3 ly, chiều cao H = (0,75÷1,00) m.

- Một lớp lưới vải địa kỹ thuật không dệt, cường độ chịu kéo >= 12KN/m chiều cao H = (2,00÷2,50) m.

- Cao độ đầu cừ xem trắc ngang chi tiết.

d) Phần gia cố rọ đá:

- Tổng chiều dài gia cố, L = 118 m.

- Hệ số mái m = 1,5.

- Đóng cọc tràm Ø ngọn >=4,2 cm dài L = 4,7 m, mật độ 16 cây/m2.

- Hai hàng cừ tràm chặn Ø ngọn >=4,2 cm dài L = 4,7 m, mật độ 5 cây/md/hàng.

- Vải địa kỹ thuật phân cách.

- Rọ đá (2x1x1) m.

- Rọ đá (2x1x0,5) m.

- Cao độ gia cố xem trắc ngang chi tiết.

đ) Phần di dời trụ điện bị ảnh hưởng: di dời các trụ điện nằm trong phạm vi xây dựng dự án.

e) Phần di dời đường ống cấp nước bị ảnh hưởng: di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi xây dựng dự án.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Danh mục đính kèm.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: **13.675.667.294 đồng.**

(Bằng chữ: Mười ba tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng).

Trong đó:

- Chi phí di dời trụ điện bị ảnh hưởng *(tạm tính)*: 91.415.757 đồng;
- Chi phí di dời đường ống cấp nước bị ảnh hưởng *(tạm tính)*: 282.421.461 đồng;
- Chi phí xây dựng sau thuế: 11.345.224.889 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 309.491.847 đồng;
- Chi phí tư vấn xây dựng: 898.503.191 đồng;
- Chi phí khác: 97.387.897 đồng;
- Dự phòng phí: 651.222.252 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách Nhà nước (từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và nguồn vốn khác).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không.

16. Các nội dung khác (nếu có): không.

Điều 2. Giao Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, Trưởng Phòng Kinh tế, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Thới Hưng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PKT$_{ĐH}$.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THỚI HƯNG T.P CẦN THƠ

Nguyễn Thanh Sĩ

PHỤ LỤC

DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1838 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân xã Thới Hưng)

STT	TIÊU CHUẨN KHẢO SÁT	SỐ HIỆU
1	Khảo sát cho xây dựng - Các nguyên tắc cơ bản TCVN	TCVN 4419:1987
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
3	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
4	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020
5	Tiêu chuẩn khảo sát - Thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2020
STT	**TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ ĐƯỜNG**	**SỐ HIỆU**
1	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054:2005
3	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022
4	Đường GTNT - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
5	Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/ huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022
6	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024
STT	**TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ ĐIỆN**	**SỐ HIỆU**
1	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện	QCVN 2015/BCT
4	Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bêtông cốt thép, yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử cột điện bêtông cốt thép ly tâm TCVN 5847 - 2016 và các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành khác có liên quan	TCVN 5574:2018
STT	**TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ NƯỚC**	**SỐ HIỆU**
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình kỹ thuật - Công trình cấp nước	QCVN 07-1:2016/BXD

2	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13606:2023
3	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng Cấp nước và Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công	TCVN 3989:2012
4	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Ký hiệu đường ống trên hệ thống kỹ thuật vệ sinh	TCVN 4036:1985
5	Hệ thống tài liệu thiết kế - Ký hiệu đường ống	TCVN 5422:2012
6	Hệ thống cấp thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ	TCVN 5576:1991
7	Cấp nước - Thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 4037:2012
8	Hệ thống tài liệu thiết kế - Cấp thoát nước bên trong - Hồ sơ bản vẽ thi công	TCVN 5673:2012
9	Ống uPVC hệ mét	ISO 4422:1990
10	Ống uPVC - Các chỉ tiêu	ASTM 2241
11	Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình. Quy phạm nghiệm thu và thi công	TCVN 4519:1988
12	Ống polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng để cấp nước. Hướng dẫn thực hành lắp đặt	TCVN 6250:1997 (ISO 4191:1989)
13	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Điều kiện tối thiểu để thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
14	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thông cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 1: Quy định chung	TCVN 8491-1:2011
15	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 2: Ống	TCVN 8491-2:2011
16	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 3: Phụ tùng	TCVN 8491-3:2011
17	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phân 4: Van	TCVN 8491-4:2011
18	Tiêu chuẩn thử độ bền áp suất cho ống nhựa	ISO 1167, EN 921, ASTMD1598 1599

19	Ống và phụ tùng nối uPVC dùng để cấp nước - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6151:2002
STT	**TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG VÀ KẾT CẤU**	**SỐ HIỆU**
1	Xi măng pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
2	Xi măng Poolang hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
3	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570: 2006
4	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
5	Cốt thép bê tông	TCVN 1651:2018
6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép -Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
7	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
8	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
9	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mặt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335-2014
10	Sản phẩm bê tông ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2019
STT	**TIÊU CHUẨN THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU**	**SỐ HIỆU**
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
2	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
3	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
4	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
5	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
6	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
7	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần võng Benkenman	TCVN 8867:2011
8	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022

9	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiêm thu	TCVN 9377:2012
10	Quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối	TCVN 4453:1995
11	Tổ chưc thi công	TCVN 4055:2012
12	Đất xây dựng - Phương pháp lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
13	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012
14	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
15	Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012
16	Đất xây dựng - Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014
17	Đất xây dựng - Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:2012
18	Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
19	Đất xây dựng - PP xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
20	Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5747:1993
STT	**TIÊU CHUẨN AN TOÀN LAO ĐỘNG**	**SỐ HIỆU**
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - An toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020
3	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng	TCVN 5308:1991
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	QCVN 26: 2010/BTNMT
Cùng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn ngành, các quy định kỹ thuật hiện hành khác		